TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 19-02-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Thống
2. Ông Đặng Hoàng Mơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐ-TA ngày 17/01/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Trúc S, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang; *có đơn xin vắng mặt*

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang; *vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N trên cở sở tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Kiên

Giang. Vợ chồng chung sống đầm ấm được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm với nhau dẫn đến không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, bất hòa, mặc dù đã được hai bên hàn gắn nhưng không thành. Hiện vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau. Xét thấy, vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, cuộc sống không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, làm cho hôn nhân làm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Trúc S yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là Nguyễn An N1, sinh ngày 13/01/2013, giới tính nữ; Nguyễn An T, sinh ngày 15/12/2015, giới tính nữ (hiện cả 02 con đang sống cùng anh N) và Nguyễn Nhã A, sinh ngày 27/10/2017, giới tính nữ (hiện đang chung sống cùng chị S), chị S đồng ý giao 02 con chung là cháu An N1 và An T cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nhã A, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh N vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc S đối với anh Nguyễn Thanh N. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn An N1, sinh ngày 13/01/2013, giới tính nữ và cháu Nguyễn An T, sinh ngày 15/12/2015, giới tính nữ cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị S được quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Giao cháu Nguyễn Nhã A, sinh ngày 27/10/2017, giới tính nữ cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N được quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc S có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét vắng mặt chị S.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Nguyễn Thị Trúc S yêu cầu xin ly hôn, giải quyết con chung với anh Nguyễn Thanh N nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị S và anh N trên cơ sở yêu thương nhau tự nguyện kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và không còn tình cảm mặc dù đã được hai bên hàn gắn nhưng không thành, hiện anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc S.

[4] *Về quan hệ con chung:* Chị S và anh N có 03 con chung là Nguyễn An N1, sinh ngày 13/01/2013, giới tính nữ; Nguyễn An Thư sinh ngày 15/12/2015, giới tính nữ (hiện con chung đang sống cùng anh N) và cháu Nguyễn Nhã A, sinh ngày 27/10/2017, giới tính nữ (hiện đang sống cùng chị S). Chị S đồng ý tiếp tục giao 02 con chung là Nguyễn An N1 và Nguyễn An T cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Nguyễn Nhã A. Hiện cháu An N1 và cháu An T đang sống chung cùng anh N và cháu N2 A hiện đang sống cùng chị S. Hiện cả 03 cháu cuộc sống được đảm bảo, phù hợp với nguyện vọng của cháu An N1 và An T. Vì vậy, xét về lợi ích mọi mặt và để đảm bảo cuộc sống cho 03 cháu nên căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên giao con chung là Nguyễn An N1, sinh ngày 13/01/2013, giới tính nữ và Nguyễn An T, sinh ngày 15/12/2015, giới tính nữ cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu, chị S có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Giao con chung là Nguyễn Nhã A, sinh ngày 27/10/2017, giới tính nữ cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S

không yêu cầu, anh N có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí xin ly hôn:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002427 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc S được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

2- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn An N1, sinh ngày 13/01/2013, giới tính nữ và cháu Nguyễn An T, sinh ngày 15/12/2015 (hiện 02 con chung đang sống cùng anh N) cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con, chị S có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Giao con chung là cháu Nguyễn Nhã A, sinh ngày 27/10/2017 (hiện đang chung sống cùng chị S) cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con, anh N có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu về tài sản chung, xác định không có nợ chung nên không xem xét.

4- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trúc S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002427 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự chị S, anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Vĩnh Thuận;*
- *Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;*
- *UBND xã Bình Minh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng